

QUAN HỆ CHĂM - VIỆT TRONG LỊCH SỬ QUA TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

NGUYỄN ĐỨC TOÀN

Dân tộc Chăm và dân tộc Việt vốn có mối liên hệ từ rất lâu đời. Cả 2 dân tộc cùng có nhiều nét tương đồng về văn hóa trên nhiều lãnh vực. Kể từ khi vương quốc cổ Chămpa trở thành một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, quan hệ Chăm - Việt ngày càng gắn bó, trong đó có quan hệ trên lĩnh vực tín ngưỡng dân gian.

Tín ngưỡng dân gian Chăm và tín ngưỡng dân gian Việt có nhiều điểm đồng nhất, có thể nhận thấy dễ dàng qua tập quán thờ MẸ, tục thờ cúng tổ tiên, thờ kính các anh hùng dân tộc. Sự giống nhau còn được tìm thấy qua tục thờ đá, tín ngưỡng đa thần, tín ngưỡng phồn thực và các lễ nghi nông nghiệp. Cuối cùng là sự tương đồng qua các điều cấm kỵ và qua các loại hình ma thuật cùng quan niệm về nguyên lý âm dương trong tư duy.

Tín ngưỡng dân gian ở người Chăm bao gồm phần lớn các tín ngưỡng nguyên thủy cộng với một số hình thức tín ngưỡng khác phát sinh trong quá trình giao lưu văn hóa với dân tộc Việt và các dân tộc khác. Khi đạo Bà la môn và đạo Hồi (Islam) xâm nhập vào xã hội người Chăm, các hình thức tín ngưỡng dân gian đã có sự phân hóa sâu sắc: nó được bảo lưu phần lớn ở cộng đồng người Chăm Bà la môn, phần ít hơn ở cộng đồng người Chăm Bà ni, và gần như bị loại trừ khỏi cộng đồng người Chăm Islam. Do vậy, quá trình so sánh giữa các hình thức tín ngưỡng dân gian Chăm - Việt chủ yếu căn cứ trên tín ngưỡng dân gian của người Chăm Bà la môn.

Người Chăm vốn có tục thờ Mẫu từ lâu đời biểu hiện qua tục sùng bái Pô Nugar (Thần Mẹ xứ sở) - Người Mẹ của thị tộc, của xứ sở và của người dân Chăm. Người đã sáng tạo ra đất, lúa, trầm hương và các loại gỗ

quý, đã dạy dân cày ruộng, cấy lúa, dạy đỡ đẻ, dạy về đạo đức, phong tục... Bà là biểu tượng của sức sống, của phồn thực, là vị thần bảo trợ của dân tộc Chăm. Pô Nugar được người Chăm đồng hóa với nữ thần Uma của Bà la môn giáo với danh hiệu Bhagavati. Pô Nugar cũng được người Việt sùng bái dưới danh hiệu Việt hóa là Thiên Y A Na Thánh mẫu, còn gọi là Bà Chúa Ngọc hoặc Bà Chúa Tiên.

Cần gủi với Pô Nugar của người Chăm, người Việt có Bà Chúa Liễu Hạnh. Theo truyền thuyết thì Chúa Liễu Hạnh nguyên là công chúa trên trời, vì phạm lỗi nên bị đày xuống trần, tên tục là Giáng Tiên. Bà cũng có chồng con rồi sau đó trở về trời và thường hiện đồng về ban phúc trừ tà cho dân chúng. Theo bước đường Nam tiến của dân tộc Việt, Chúa Liễu đã từ Phủ Giầy (Nam Định), Đền Sòng (Thanh Hóa) đi về phương Nam, tạm dừng ở Điện Hòn Chén (Huế) và gặp bà Pô Nugar tại Nha Trang, gặp Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) ở Tây Ninh và Bà Chúa Xứ ở Núi Sam - Châu Đốc. Tất cả các bà đều là một MẸ DUY NHẤT trong tâm thức của tín ngưỡng thờ Mẫu ở người Việt.

Về tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, phải kể đến tín ngưỡng Tam Phủ (gồm 3 phủ: trên trời, dưới nước và núi rừng) với 3 vị Mẫu là Mẫu Thoải (cai quản sông nước), Mẫu Thượng Ngàn (cai quản núi rừng) và Mẫu Cửu Trùng (cai quản bầu trời). Sau này dân gian thêm vào phủ con người với thống soái là bà chúa Liễu Hạnh hoặc Bà Chúa Ba của Phật giáo (1) để thành tín ngưỡng Tứ Phủ.

(1). Thực ra Bà Chúa Ba là sản phẩm của sự kết hợp hài hòa giữa tín ngưỡng dân gian với Phật giáo.

Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Chăm và người Việt vốn bắt nguồn từ chế độ mẫu hệ với nguồn gốc sâu xa là cơ chế sản xuất nông nghiệp của nền văn minh lúa nước. Mẫu hệ ngày nay vẫn tồn tại trong xã hội Chăm nhưng chỉ đọng lại một vài tàn dư trong phong tục và tín ngưỡng của người Việt mà đặc trưng là sự xuất hiện Phật Mẫu Man Nương với huyền thoại Tứ Pháp gồm: Pháp Vân (mây), Pháp Vũ (mưa), Pháp Lôi (Sấm) và Pháp Điện (chớp).

Tục thờ cúng tổ tiên vốn có nguồn gốc từ xã hội nguyên thủy. Ở người Chăm Bà la môn, tục này gắn liền với việc cúng tế tại các Tháp Chăm vào dịp lễ Katê (tế Trời - Tưởng nhớ ông bà, tổ tiên bên cha), lễ Chabur (tế Đất - Tưởng nhớ tổ tiên, ông bà bên mẹ), lễ Rija, tục giữ Chiết Atâu (1) và tục viếng Kut(2). Với người Chăm Bà ni, việc thờ cúng tổ tiên biểu lộ qua nghi thức tảo mộ (*nao ghur*) mỗi năm (tương tự như Lễ Tảo Mộ trong tiết Thanh Minh của người Việt và người Hoa), qua các lễ cúng ông bà (ngãh mukây) và qua việc thiết lập bàn thờ gia tiên tạm trong 3 ngày kể trước ngày đầu tiên của tháng Ramưwan (01/09 Hồi lịch).

Tết Katê và Chabur - ngoài ý nghĩa tôn kính tổ tiên còn là dịp tưởng nhớ - cúng bái các vị anh hùng dân tộc như Pô Klaung Garai, Pô Romé, còn tôn sùng Pô Nugar cùng các vị vua Champa xưa kia đã được người Chăm đồng hóa với các thần linh. Tục thờ nhân thần là kết quả của một quá trình tiến hóa từ sự sùng bái các thế lực siêu nhiên trong vũ trụ, trong thiên nhiên, đến các năng lực cụ thể hơn như trời, đất, sinh thực khí, sau tiến tới sự sùng bái loài vật và cuối cùng là sùng bái người đã khuất: tổ tiên ông bà, các vị anh hùng. Cũng như người Chăm, người Việt đã thần thánh hóa rất nhiều anh hùng dân tộc của mình và lập đền thờ. Đặc biệt tại các đền thờ này, hàng năm đều tổ chức lễ hội với nhiều nghi lễ long trọng và những sinh hoạt văn hóa dân gian đa dạng như: hội đèn Hùng, hội Gióng, hội đèn Chèm (thờ Lý Ông Trọng), hội đèn Kiếp Bạc (thờ Hưng Đạo Vương), hội đèn Phạm Ngũ Lão, hội đèn Hai Bà Trưng...

Đặc biệt, nền dân chủ làng xã ở người Việt đã sản sinh ra Thành Hoàng: vị thần cai quản làng, có nhiệm vụ phù hộ, che chở cho dân làng được bình yên và thịnh vượng - được thờ tại đình làng. Thành Hoàng có thể là một thiên thần, cũng có thể là một nhân thần có công với đất nước khi còn sống, hoặc là một người có công khai sơn phá thạch, tạo dựng làng. Cũng có nơi Thành Hoàng được thờ là một tà thần, yêu thần, những người chết nhằm giữ linh được phong thần như Thân Ân Trộm, Thần Ân Mày, Thần Gấp Phên, Thần Trẻ Con, Dâm Thần...

Một trong những hình thức tín ngưỡng nguyên thủy mà người Việt lẫn người Chăm đều có, đó là tục thờ đá - một hình thức tín ngưỡng sơ khai có ở nhiều dân tộc trên thế giới. Người Chăm quan niệm rằng có thần linh hiện diện trong các tảng đá lạ và thờ các đá này dưới tên gọi là "Ông Dàng, Bà Dàng". Tục thờ đá để lại tàn tích qua các linga bằng đá (3), bia Kut của người Chăm Bà la môn, qua hình thức 2 viên đá chặn ở 2 đầu huyệt mộ của người Chăm Bà ni. Tàn dư thờ đá ở người Việt tìm thấy ở các mộ bia - một biến thể của tục thờ đá thiêng xưa kia. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa tục thờ các vật thiêng với tín ngưỡng về linh hồn và tục thờ cúng tổ tiên. Trong hội Chùa Hương (tỉnh Hà Tây), các bà hiếm muộn cũng hay đến vuốt ve các hòn đá ở núi Cô, núi Cậu với ước mong có được con trai, con gái như ý muốn. Tại Động Hương Tích - Chùa Hương, Phật hiện thân từ trong tín ngưỡng thờ đá với hình ảnh của Bà Chúa Ba, 9 năm khổ tu để đắc đạo thành Bồ Tát ẩn thân trong đá mà dân gian quen gọi là "Bụt Mộc".

Tục thờ đá thường gắn liền với các totem, với hình thức tín ngưỡng đa thần, tín ngưỡng

(1). *Chiết Atâu* là một cái xiềng đan bằng tre, trong có đựng quần áo và một vài vật dụng của ông bà tổ tiên để dùng trong các lễ Rija. *Chiết Atâu* có ý nghĩa tương đương với bàn thờ gia tiên ở người Việt.

(2). *Kut* là nghĩa địa của người Chăm Bà la môn theo dòng mẹ, nơi tập trung 9 miếng xương trán của mỗi người chết sau khi thiêu.

(3): *Linga* tượng trưng cho thần Siva của Bà la môn giáo. Ở đây có sự hội nhập giữa tín ngưỡng dân gian và đạo Bà la môn.

vạn vật hữu linh và tín ngưỡng phồn thực. Nhiều bệnh nhân tin rằng nước rỏ ra từ bầu sữa tiên (nhũ đá) trong động Hương Tích sẽ tăng thêm sức mạnh cho cơ thể. Ở mỗi làng miền Bắc trước đây đều có thờ một Ông Chó Đá đầu làng như là một vị thần hộ mệnh của làng. Những tảng đá có hình dáng kỳ bí được người Việt sùng bái với danh hiệu là Ông Đổng. Người Khơ-me cũng có tục thờ đá với danh xưng là Ông Tà (từ chữ Neak Tà: thần). Cây cao, đá cổ - Câu thành ngữ Việt đã tổng kết được tín ngưỡng vạn linh của người Việt xưa. Không chỉ thờ đá, người ta còn sùng bái nhiều loại cây cao bóng cả (rộng) như cây đa, cây gạo, cây si, cây gòn... vốn có ở người Chăm lẫn người Việt và nhiều dân tộc khác. Người Việt có tục cúng bái tại các cây sống lâu năm, dưới các gốc cây cổ thụ thường thấy lập miếu thờ thần thờ ma. Dấu vết thờ cây, còn được tìm thấy qua truyền thuyết về bộ lạc Cau (Kremuka Vams'a) và bộ lạc Dừa (Narikela Vams'a). Phải chăng đây là dấu ấn của tín ngưỡng vật tổ thời xa xưa? Tục thờ cây cũng thấy có ở nhiều dân tộc sơ khai, nhiều khi được gắn chặt với tín ngưỡng phồn thực. Người Gaulois thời cổ có tục thờ cây trong những cánh rừng thiêng và các druide (thầy tế) gắn dây Gaulois tổ lòng kính trọng cây tâm gởi trên các cây chène và người Anh gần đây còn có những nghi lễ long trọng để hái loại tâm gởi đó.

Tín ngưỡng đa thần là nét phổ biến của xã hội loài người thuở ban sơ. Người Chăm thờ mặt trời (podokitjak), thờ mặt trăng (Paja Yang), thờ thần trời (Yang Pô), Thần Cha (Yang Mư), Thần Mẹ (Pô Nugar), Thần Biển Nam Hải (Pô Rihah), thần Núi (Pô Yang Chơ), Thần Nước (Pô Yang Ea) thần lúa (Pô Yang Sri), Thần Ruộng (Pô Bhum)... Các loại thủy tộc như cá sấu, rắn nước cũng được thờ mà biến dạng của nó sau này là giao long (rồng), ở người Việt, con Inôgarai (một loại rồng giun) của người Chăm. Hai con vật tượng tượng này đã đi vào nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc ở cả 2 dân tộc.

Tục thờ mặt trời đã có ở người Việt cổ và được thể hiện dưới dạng ngôi sao nhiều cánh trên trống đồng Đông Sơn mà tàn dư ngày

nay còn lại ở tục tung còn, tục cướp cầu trong các lễ hội dân gian. Cũng như người Chăm, người Việt rất sùng bái vào những sức mạnh, những lực lượng siêu hình. Người ta tin rằng có sự hiện diện của thần linh ở khắp mọi nơi: trong nhà - ngoài vườn, trên trời - dưới đất, trên ngàn - dưới bể... Bất cứ nơi đâu cũng có thần, ngay cả tổ tiên cũng hóa thần, nghề nghiệp và thời gian cũng có thần. "Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá". Thần thoại Việt còn ghi lại vô số các thần linh, dấu vết của tín ngưỡng đa thần trong thời nguyên thủy như Thần Trụ Trời, Thần Mưa, Nữ Thần Mặt Trời - Mặt Trăng... Người Việt quan niệm mỗi vị thần linh đều có những tác động nhất định đến đời sống và vận mệnh của từng con người trong mọi lĩnh vực kể từ khi chào đời cho đến lúc nhắm mắt lìa đời. Hình thức tín ngưỡng đó được gọi là "Đạo Thờ Thần" - một dạng tín ngưỡng hội tụ đồng đảo các thần linh như Thổ Công, Ông Địa, Táo Quân, Thần Tài, Thần Hồ, Sơn Thần, Mộc Tinh, Hà Bá, Long Thần... Tín ngưỡng dân gian ở người Việt hiện nay vẫn còn duy trì đầy đủ hệ thống các vị thần linh này.

Tục thờ Mấu kết hợp với các hình thức tín ngưỡng trong nông nghiệp đã làm phát sinh tín ngưỡng phồn thịnh. Người ta xem sự phì nhiêu của đất đai tương tự như người đàn bà mắn con. Tại vài nơi trên thế giới còn có tục cho "cô dâu, chú rể" giao hoan ngoài trời ngay trước công chúng để thiên nhiên noi gương mà làm tròn bổn phận. Tín ngưỡng phồn thực là một phong cách độc đáo của các cư dân nông nghiệp được biểu hiện qua việc thờ sinh thực khí với ý nghĩa cầu mong cho sự sinh sôi nảy nở của con người cũng như ruộng đồng, cầu mong cho gia đình khỏe mạnh, thôn xóm bình an, mùa màng tươi tốt.

Tín ngưỡng phồn thực ở người Chăm biểu hiện qua việc thờ nữ thần Pô Yang Sri với biểu tượng là vật gậy liên tưởng đến sinh thực khí nữ (âm vật) như khè đá, hang thú, hốc cây. Những người bệnh tật hay hiếm muộn thường đổ rượu lên một khúc cây hình trụ tượng trưng cho dương vật rồi đặt vào trong vật liên tưởng đến sinh thực khí nữ và làm

động tác mô phỏng sự giao hợp để cầu khẩn cho khỏi bệnh hoặc có con nối dõi.

Tín ngưỡng này còn thể hiện qua nghi thức cầm các biểu trưng dương vật bằng gỗ trong các điệu múa của Ôn Ing (Ông Bổng) và Muk Pajâu (Bà Bổng) trong lễ Rija Nugar hoặc lễ Yor Yang của người Chăm. Trong lúc múa, có những động tác nhún nhảy như đang giao hợp để xin thần linh trừ khử những xấu xa tội lỗi và ban sự bình an cho thôn xóm, sự tươi tốt cho mùa màng.

Tín ngưỡng phồn thực ở người Việt chắc chắn đã có từ rất lâu, bằng chứng là trên nắp thạch động Đào Thịnh thuộc văn hóa Đông Sơn được tìm thấy ở Yên Bái có 4 khối tượng nam nữ đang giao hợp. Ngày nay, những tàn dư đó còn lại rất nhiều ở các hội làng, hội đên, hội chùa và hội mùa màng nông nghiệp.

Có thể kể đến tục thờ "Ông Đùng, Bà Đà" ở làng Đông An (Hải Hưng) hay tục tắt đèn ở làng La (La Khê Nam), làng Ngô Xá và làng Niệm Thượng (Hà Bắc), tục múa mo ở xã Sơn Đông (Hà Tây), tục rước sinh thực khí ở làng Đồng Kỵ (Hà Bắc), tục Chen ở Nga Hoàng (Hà Bắc)... trong các lễ hội này, thường có những khoảng thời gian để cho nam nữ tự do quan hệ, cô nào lỡ thai trong dịp này không những không bị làng phạt mà còn được khen thưởng. Đặc biệt ở xã Khúc Lạc và Dị Nậu thuộc tỉnh Vĩnh Phú có tục thờ Dâm Thần và rước sinh thực khí (còn gọi là nõ nường hoặc nõn nường): 36 thanh niên mới dậy thì đứng đắn và xinh đẹp được chọn để rước, 18 nam rước sinh thực khí âm, còn 18 nữ rước sinh thực khí dương. Rước xong, các sinh thực khí được một vị cao niên trong làng tung lên để dân làng tranh nhau cướp, ai cướp được thì tin rằng sẽ gặp may mắn trong năm. Tục thờ Dâm Thần cũng thấy ở một số nơi trên thế giới như: Babilon, Ai Cập, Ấn Độ... ở Việt Nam, tục này còn mang ý nghĩa chống lại sự khe khát của đạo lý Khổng Mạnh qua tư tưởng "Nam nữ thụ thụ bất tương thân" truyền vào Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc.

Cùng với tín ngưỡng phồn thực, ý niệm đối lập và thống nhất trong một chỉnh thể cũng đã được xác lập. Ở cộng đồng người

Chăm lẫn người Việt cũng đều thấy sự hiện diện của ý niệm này. Trong lịch Chăm, phân nửa tháng đầu được quan niệm là dương và phân nửa tháng sau là âm. Ông Ôn Kadhar (thầy Cò Ke) và bà Muk Pajâu (Bà Bổng) luôn cùng có mặt trong các nghi thức cúng tế. Lễ Katê tưởng nhớ ông bà tổ tiên bên ngoài (bên cha) mang yếu tố dương, còn lễ Chabur tưởng nhớ tổ tiên ông bà bên nội (bên mẹ) mang yếu tố âm. Đám cưới (dương) được tổ chức vào ban chiều (âm) và đám tang thì ngược lại. Các tu sĩ Bà la môn lẫn Bà ni chỉ được tấn phong khi có đủ cả vợ lẫn chồng... Ý niệm âm dương kết hợp ở người Việt thể hiện qua bánh dày - bánh chưng với sự biểu trưng cho trời đất, cha mẹ, âm dương. Bánh chưng, bánh cấp của người Việt ở miền Trung cũng có nội dung tương tự (1). Ý niệm âm dương còn biểu hiện qua dạng *chày cối* trong kiến trúc, qua ca dao qua lễ hội... Ví dụ: "Có nam có nữ mới nên xuân, có xôi có thịt mới nên phần". Ở xã Xuân Ó (Hà Bắc) có chợ Âm Dương, họp lúc nhá nhem tối. Ở xã Đào Xá (Vĩnh Phú) có tục đua thuyền đực - cái trong ngày hội đua thuyền của lễ thờ Hoàng Hải Công (Bộ tướng của Hùng Vương), thuyền đực có đầu hình chim và thuyền cái mang đầu hình cá...

Tín ngưỡng phồn thực thường gắn với các lễ nghi nông nghiệp cùng với tục thờ hồn lúa. Lễ nghi nông nghiệp của người Chăm Bà la môn và Bà ni có mối liên quan mật thiết với chu kỳ phát triển của cây lúa như: Lễ cầu an (Rija Nugar), Lễ cầu đảo Thần Sóng Biển (Plao Psah), Lễ cầu mưa (Yor Yang), Lễ mừng lúa con (trun trak), lễ mừng lúa chữa (Paday Mư Tia), lễ xuống gặt (trun yuak)... Người Việt trước đây cũng phổ biến tục cầu đảo, nay còn lại một vài dư âm qua các lễ hội như lễ cầu mưa ở Hội Dâu (Hà Bắc), Lễ rước nước ở Hội Phù Đổng (Hà Nội). Lễ hội đua thuyền Đức Bác (Vĩnh Phú)... Ở Đền Hùng (Vĩnh Phú), nơi đên Thượng còn thờ Thánh Gióng và Thần Lúa ngoài vua Hùng đương nhiên

(1) Người Chăm có bánh Sakaya và bánh Paynung. Ý nghĩa của 2 loại bánh này cũng tương tự như bánh dày - bánh chưng của người Việt.

(2) Thần Nông: một vị vua Trung Quốc theo truyền thuyết đã dạy dân trồng lúa và làm thủy lợi.

được thờ. Người Việt cũng có lễ Hạ Điền (còn gọi là lễ Tịch Điền) và lễ Thượng Điền được cử hành lúc bắt đầu và kết thúc một mùa lúa để tạ ơn trời đất. Ngoài ra, trong lễ này người ta còn tạ ơn Thần Nông (2) do ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Khi thu hoạch xong, người ta tổ chức Lễ Cơm Mới (còn gọi là Lễ Thường Tân) tại đền đình để cúng tạ ơn thần linh và tại nhà để cúng gia tiên.

Ở người Chăm lẫn người Việt đều có nhiều hình thức cấm kỵ trong đó có khá nhiều sự tương đồng như: phụ nữ có thai kiêng không ăn chuối dĩnh dôi, sợ song thai, tin có 12 bà mẹ đình đoạt thể hình của đứa trẻ khi sanh và đều cúng Mẹ tạ ơn lúc trẻ đầy tháng. Cùng có quan niệm nam bảy vía, nữ chín vía qua việc treo nhánh xương rồng ở cửa ngõ khi trong nhà có người có cũ. Người Chăm - người Việt đều có tục bán khoán trẻ con cho Thần Phật để dễ nuôi, đều kỵ loài nai xuống đồng hoặc vô làng vì tin rằng sẽ bị hạn hán, mất mùa...

Về vấn đề sử dụng ma thuật, cả người Việt và người Chăm đều tin bùa ngải. Người ta đã phát hiện ra sự gần gũi giữa hình bùa Om Kal với hình chữ Om (một loại hình biến dạng từ chữ Sanscrit), trên các lá phướn, trên thiền trượng, trong kinh Phật và trong các kiến trúc chùa Phật Giáo Việt Nam. Người Việt - người Chăm cùng sử dụng ngải, phù chú để trấn yểm, trừ tà và chữa bệnh. Người Việt có thầy Phù Thủy - thầy Pháp, người Chăm có Giawk Kalong - Giawk Bhut. (1) Các thầy Pháp người Việt lẫn người Chăm đều dùng roi vọt để trừ tà ma. Người Việt - người Chăm cùng tin vào việc thờ bói, coi bói, xem tướng, xem tử vi...

Ngoài những tín ngưỡng bắt nguồn từ văn hóa Nam Á nêu trên, có một số tín ngưỡng dân gian nảy sinh qua quá trình giao lưu văn hóa giữa 2 dân tộc Chăm-Việt như: tục thờ cá voi, hiện tượng đồng bóng ở người Việt và tục cúng giỗ tổ tiên trong ngày tết Nguyên đán ở một số người Chăm...

Tục thờ cá voi (còn gọi là cá ông) gắn liền với nghề đi biển của người Chăm từ lâu đời. Tục lệ này ngày nay hầu như còn phổ biến ở vùng

duyên hải miền Trung và miền Nam với các lễ hội như: Hội lễ tưởng nhớ cá voi ở làng Hà (xã Bảo Ninh - Quảng Bình), lễ hội cá Ông tại làng Dinh Vạn (Ninh Thuận), hội làng Ông Nam Hải ở Vũng Tàu, hội rước cá voi ở Vàm Láng - Gò Công (Tiền Giang)... Người ta không tìm thấy tục lệ này ở miền Bắc, có lẽ các lưu dân Việt trên bước đường tiến về phương Nam trước đây đã tiếp thu tín ngưỡng này từ người Chăm, cá Ông theo quan niệm của người Chăm là hiện thân của Thần Sóng (Pô Rija), cũng có lúc thần hóa thân dưới dạng hình ngỗng. Cá Ông (Ông Nam Hải) theo truyền thuyết của người Việt còn là hình ảnh của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Từ sự linh thiêng của cá Ông đã dẫn đến việc nhập cốt lên đồng và tục xin xăm phát triển ở một số nơi có thờ Ngài.

Hiện tượng đồng bóng là một hình thức tín ngưỡng mà theo một số nhà nghiên cứu người Việt đã chịu ảnh hưởng của người Chăm. Trong các nghi lễ tế thần của từng tộc họ người Chăm bao giờ cũng có ông Bóng (Ôn Ing) và Bà Bóng (Muk Pajâu). Còn trong những nghi lễ cúng tế toàn cộng đồng, luôn có sự hiện diện của Muk Pajâu (Bà Bóng). Tương truyền, Lễ Rija Prong (Lễ Chà Và lớn - một nghi lễ tế thần của người Chăm Bà la môn và Bà ni) bắt nguồn từ việc 5 chiếc thuyền trong số 7 chiếc của Hồi giáo Mã Lai sang Champa truyền đạo theo lời mời của vua Pô Romé (1627-1651) bị Pôxanư - con gái vua Para Chành dùng pháp thuật đánh chìm tại vùng biển Phố Hải (Phan Thiết). Vua Pô Romé đã cho tổ chức Rija Prong theo thể thức Mã Lai để cầu nguyện cho linh hồn của những người bị chết đuối.

Do cùng sống cộng cư lâu dài bên nhau, nhiều người Chăm cũng có tục cúng tổ tiên trong dịp tết Nguyên đán, nhưng bánh trái dùng để cúng được mua ở ngoài chợ chứ không do người Chăm tự làm như trong các tết Chăm truyền thống. Ảnh hưởng giao lưu văn hóa còn thể hiện qua tục chôn người chết

(1) Giawk Kalong - Giawk Bhut: thầy Phù Thủy - thầy Pháp ở người Chăm.

ở người Chăm Bà la môn tại Xóm Yang Pô Nít (huyện Bắc Bình - Bình Thuận). Tục truyền, vua Pô Nít (1603-1613) có vợ là người Việt, trước khi chết bà yêu cầu được chôn theo tục lệ Việt nên con cháu về sau cũng theo tục chôn chứ không thiêu theo phong tục Bà la môn. Ở Ninh Thuận cũng có Play Ia U Iyang Hụ (Phước lập) theo tục chôn mặc dù cư dân ở đây theo đạo Bà la môn.

Lịch sử cho thấy: hôn nhân dị tộc là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự hội nhập văn hóa giữa các dân tộc. Đó là trường hợp của người Kinh Cựu (người Chăm gọi bằng từ Yuôn-Chăm, nghĩa là Việt-Chăm), kết quả của sự hợp huyết giữa người Chăm với người Việt(1). Ở người Kinh Cựu có hiện tượng đan xen, kết hợp hài hòa giữa tín ngưỡng dân gian Chăm với tín ngưỡng dân gian Việt. Cụ thể qua việc bảo lưu hầu hết các hình thức tín ngưỡng dân gian của người Chăm - Trừ tục hỏa thiêu, tục cúng Rija Nugar, và tục lập kut. Tục giữ Chiết Atâu gần như mất hẳn. Ở người Kinh Cựu có sự kết hợp hài hòa giữa việc sùng bái các thần Chăm và những thần không nằm trong hệ thống tín ngưỡng của người Chăm. Ví dụ Quan Công (Quan Vân Trường), vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc, được du nhập vào cộng đồng người Kinh Cựu thông qua người Việt. Trong nhà người Kinh Cựu có lập bàn thờ gia tiên và thắp nhang, cúng bái tổ tiên vào dịp tết Việt lẫn tết Chăm.

Ở thôn Xuân Quang có đình làng thờ Thành Hoàng và các vị thần khác. Cách bài trí ở đình, các tấm liễn cũng được viết bằng chữ Nho như người Việt. Người Kinh Cựu cũng tin và sử dụng các hình thức ma thuật giống người Việt như bói toán, xin xăm, xem tướng số...

Tín ngưỡng dân gian Chăm và Việt có nhiều nét tương đồng do cùng bắt nguồn từ những đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á, bên cạnh đó còn có một số nhân tố được hình thành qua quan hệ giao lưu văn hóa. Đặc biệt,

sự kết hợp hài hòa văn hóa Chăm - Việt qua tín ngưỡng dân gian được tìm thấy ở cộng đồng người Kinh Cựu.

Tín ngưỡng dân gian vốn được hình thành từ buổi bình minh lịch sử của từng dân tộc nên đã bắt rễ sâu vào trong tâm thức của mỗi người. Chính vì thế mà khả năng dung hòa của nó rất mạnh ở cả cộng đồng người Chăm lẫn người Việt: Bà la môn giáo và Hồi giáo đã được dung hòa bằng tín ngưỡng dân gian Chăm để trở thành đạo Bà Chăm và Bà ni. Tam giáo (Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo) cũng được dung hòa bằng tín ngưỡng dân gian Việt để trở nên một loại hình Tam Giáo mới rất Việt. Tín ngưỡng dân gian là nhân tố quan trọng trong các lễ hội. Trong nhiều trường hợp, nó trở thành linh hồn của các hội làng, các hội hè đình đám và các phong tục tập quán.

Mối quan hệ văn hóa Chăm - Việt qua lĩnh vực tín ngưỡng dân gian là mối quan hệ gắn bó và hỗ tương được hình thành từ rất lâu trong lịch sử. Qua văn hóa Chăm, văn hóa Việt đã tiếp thu những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Ngược lại, qua văn hóa Việt Nam, văn hóa Chăm đã gián tiếp chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Cùng có chung một nền văn hóa Đông Nam Á, cùng chung sống trong một môi trường tự nhiên, một khu vực lịch sử dân tộc học trong suốt nhiều thế kỷ, mối quan hệ văn hóa Chăm - Việt có một quá trình phát triển liên tục, lâu dài và toàn diện trong lĩnh vực tín ngưỡng dân gian cũng như trong các lĩnh vực khác. Từ những điểm tương đồng văn hóa đó, một tâm lý chung và một tình cảm gắn bó giữa 2 dân tộc Chăm - Việt đã hình thành và ngày càng phát triển tốt đẹp.

(1): Người Kinh Cựu sống tập trung ở 4 thôn: Xuân Quang, Xuân Hội, Tuấn Giáo và Tuấn Mục thuộc huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Đa số người Kinh Cựu hiện nay đều tự nhận là người Việt, chỉ có một số ít còn nhận là "Người Kinh" (tức Kinh Cựu).